TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13/4/2020
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và bà Nguyễn Thị Hiền
***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh N.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 531/2019/ TLST - HNGĐ ngày 24/12/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 02/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Ngọc H, sinh năm: 19xx; ĐKHKTT tại: Tổ x, khu x, phường T, thành phố P, tỉnh N - Vắng mặt, có đơn xin xử án vắng mặt.

Bị đơn: Chị Lê Thị H1, sinh năm: 19xx; ĐKHKTT tại: Tổ x, khu x, phường T, thành phố P, tỉnh N - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời tự khai và đơn xin xử án vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Ngọc H đều trình bày: Anh và chị Lê Thị H1 kết hôn từ năm 1992 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường T. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm, sau khi kết hôn vợ chồng anh về sống tại nhà riêng ở tổ x, khu x, phường T, thành phố P. Cuộc sống chung của vợ chồng anh bình thường cho đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do chị H1 không biết quản lý chi tiêu tài chính, kinh tế trong gia đình ngày càng sa sút dẫn đến nợ nần nhiều. Khi anh phát hiện ra cũng đã khuyên nhủ và tìm biện pháp giúp chị H1 tháo gỡ nhưng chỉ được một thời gian thì chị H1 lại mắc lại sai lầm cũ. Anh tha thứ nhiều lần nhưng chị H1 không thay đổi khiến anh không tin tưởng, không còn tình cảm dành cho chị H1. Cuộc sống vợ chồng trở nên chán nản, không quan tâm đến nhau, anh tự quản lý kinh tế để lo cho anh và các con, cũng từ năm 2017, anh và chị H1 cũng chính thức sống ly thân nhau. Mâu thuẫn vợ chồng anh cũng được gia đình, tổ dân

khu phố hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã rất căng thẳng, trầm trọng, không thể khắc phục được, do không còn tình cảm dành cho chị H1 nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Anh và chị H1 có 02 con chung là Hoàng Ngọc H2, sinh ngày 28/7/19xx và Hoàng Minh H3, sinh ngày 21/5/20xx, cả hai con chung đều đã thành niên, khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Anh và chị H1 tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Công nợ chung: Không có.

* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn - chị Lê Thị H1 nhiều lần nhưng chị H1 cố tình vắng mặt nên không lấy được lời khai của chị H1, chị H1 không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/02/2020 của anh Hoàng Ngọc H2 (là con chung của anh Hoàng Ngọc H và chị Lê Thị H1), anh H2 cho biết: Anh đã xây dựng gia đình riêng và chung sống cùng nhà với bố mẹ nên biết trong cuộc sống bố mẹ anh có xảy ra mâu thuẫn vì không hợp nhau, không có tiếng nói chung, bố mẹ anh cũng đã vì con, cháu nên cố gắng chịu đựng để tránh ảnh hưởng đến các thành viên trong gia đình. Anh cảm nhận được cuộc sống của bố mẹ anh rất căng thẳng, mệt mỏi, gia đình đã nhiều lần góp ý nhưng do không còn tình cảm dành cho nhau nên không khắc phục được mâu thuẫn, bố mẹ anh đã sống ly thân nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bố anh có đơn xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để bố mẹ anh khỏi căng thẳng, mệt mỏi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P nhận thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Ngọc H yêu cầu xin ly hôn với chị Lê Thị H1 hiện cư trú tại địa bàn thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật "Ly hôn" là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - chị Lê Thị H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân thành phố P đã tống đạt hợp lệ cho chị H1 nhưng

chị H1 cố tình không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa; anh Hoàng Ngọc H là nguyên đơn có đơn xin xử án vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Hoàng Ngọc H và chị Lê Thị H1 là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P vào năm 1992. Sau kết hôn anh chị về sống tại tổ 4, khu 1, phường T, thành phố P. Cuộc sống chung hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh H trình bày là do chị H1 không biết quản lý kinh tế, chi tiêu trong gia đình dẫn đến nợ nần, anh H đã giúp đỡ chị H1 trả nợ nhiều lần nhưng chị H1 không thay đổi và không dành tình cảm cho anh, không chăm lo cho gia đình, anh H không còn tin tưởng chị H1 trong quản lý kinh tế nên tự anh phải quản lý để lo cho cuộc sống gia đình khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Hai bên gia đình cùng khu phố cũng hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng anh cũng không khắc phục được mà ngày càng trầm trọng hơn. Bản thân chị H1 khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ chị H1 cũng không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên anh H xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Mâu thuẫn của anh H, chị H1 cũng phù hợp với lời khai của con chung của anh chị và cũng phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị H1.

* Về con chung**:** Anh H và chị H1 có 02 con chung là Hoàng Ngọc H2, sinh ngày 28/7/19xx và Hoàng Minh H3, sinh ngày 21/5/20xx đều đã thành niên và khỏe mạnh.

* Về tài sản chung: Anh H và chị H1 tự thỏa thuận giải quyết; Công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Anh Hoàng Ngọc H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, 227, 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Hoàng Ngọc H và chị Lê Thị H1.

2. Về án phí: Anh Hoàng Ngọc H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp ngày 23/12/2019 theo biên lai số: 0004968 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho biết: các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA - VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quýnh